

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **100/2025/HS-ST**

Ngày: 26/12/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Thoa

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Tươi

2. Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày **26 tháng 12 năm 2025** tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 96/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2025, theo định đưa ra xét xử số: 212/2025/QĐXXST-HS ngày 09/12/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1983

Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: không

Nơi sinh: P, An Giang

Căn cước công dân: 091183004724 cấp ngày 02/8/2022

Nơi đăng ký thường trú: Khu phố H D, đặc khu P, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố K, đặc khu P, tỉnh An Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê.

Cha: Nguyễn Văn S, sinh năm 1962 (còn sống).

Mẹ: Trương Thị Kim Y, sinh năm 1963 (còn sống).

Anh, chị em ruột: Có 02 người, lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1985.

Chồng: Lâm Vũ B, sinh năm 1984 (đã ly hôn) vào tháng 5/2025.

Con: Có 02 người, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không

Tạm giữ, tạm giam: Không
Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1945 (vắng)**
CCCD số: 015145000156 cấp ngày 25/4/2021

Địa chỉ: Khu phố A D, đặc khu P, tỉnh An Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà C: **Ông Lê N1, sinh năm 1974**
(có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A D, đặc khu P, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Từ tháng 01/2024, Nguyễn Thị Mỹ N làm giúp việc tại nhà bà Nguyễn Thị Kim C thuộc khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố A D, đặc khu P, tỉnh An Giang). Khoảng 16 giờ, ngày 07/6/2025, N vào phòng ngủ bà C dọn dẹp như thường lệ, khi N dọn dẹp đến tủ quần áo bằng nhựa, thấy ngăn kéo hở ra không khóa nên dùng tay kéo ra thấy có 01 cái balo nhỏ nên N nảy sinh ý định tìm tài sản để trộm cắp. Nưng mở balo ra thấy có 01 ví da màu đỏ và 01 hộp nhựa tròn, bên trong hộp nhựa tròn có 01 sợi dây chuyền và 01 nhẫn vàng, N lấy nhẫn và sợi dây chuyền bỏ vào túi quần. Nưng tiếp tục mở ví da màu đỏ lấy 4.000.000 đồng bỏ vào túi quần rồi tiếp tục làm việc. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, dọn dẹp xong N báo lại bà C và đi về. Sáng ngày 08/6/2025, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, biển kiểm soát 67C1-354.92 (mượn của bà Phạm Thị Bé E) đến tiệm V trên đường M thuộc khu phố D, phường D bán chiếc nhẫn và sợi dây chuyền đã lấy trộm của bà C được số tiền 12.000.000 đồng, N nạp vào số tài khoản 7530169325 của Nưng mở tại ngân hàng B1 Chi nhánh P số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó N đã rút hết tiền trong tài khoản và 04 triệu đã trộm để tiêu xài cá nhân, số tiền còn lại là 2.000.000 đồng. Đến ngày 10/6/2025, bà C phát hiện bị mất tài sản và nghi ngờ N là người lấy trộm nên đã hỏi N nhiều lần nhưng N không thừa nhận.

Đến ngày 18/6/2025, bà C đến Công an phường D Nguyễn Thị Mỹ N về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 19/6/2025, N biết mình bị tố giác nên đến Công an phường D đầu thú và giao nộp số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 23/06/2025, Nguyễn Thị Mỹ N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh K (nay là Công an tỉnh A) khởi tố, cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra.

Thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu APPLE, loại Iphone 7 Plus, màu bạc, số IMEI: 355375082446169, đã qua sử dụng.
- 04 (bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng.
- 01 (một) USB nhãn hiệu SanDisk, màu đen, loại 16gb, bên trong có chứa 01 ảnh có tên “z6833696128287_4aa8c448cbcc3d84518b63e50f851b42.jpg”, đã lưu vào trong hồ sơ vụ án.
- Đối với 01 nhẫn vàng và 01 sợi dây chuyền không thu giữ được do bà Nguyễn Như H Giao chủ tiệm vàng đã nấu lại.

Cáo trạng của Viện kiểm sát:

- **Tại bản trạng số:** 15/CT-VKSKV2 ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- **Tại phiên tòa** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS xử phạt Nguyễn Thị Mỹ N 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu APPLE, loại Iphone 7 Plus, màu bạc, số IMEI: 355375082446169, đã qua sử dụng, không liên quan đến vụ án đã trả lại cho Nguyễn Thị Mỹ N nên đề nghị không xem xét.

- Đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim C là chủ sở hữu 04 (bốn) tờ T mệnh giá 500.000 đồng;

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Thị Kim C yêu cầu bồi thường tổng số 39.000.000 đồng (cả tiền trộm). Bị cáo N đồng ý bồi thường 39.000.000 đồng nhưng đến nay bị cáo N chỉ bồi thường được 14.600.000 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng do bị cáo nộp khi đầu thú). Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo N bồi thường tiếp cho bị hại Nguyễn Thị Kim C số tiền 24.400.000 đồng.

Tại phiên tòa: Bị cáo không có ý kiến gì đối với bản Cáo trạng và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng thời không tranh luận gì đối với bản luận tội của Kiểm sát viên và đồng ý với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về xử lý vật chứng; Bị cáo xin được trả số tiền 24.400.000 đồng cho bà C trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày xét xử hôm nay.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại đồng ý theo yêu cầu của bà C đòi bồi thường 39.000.000 đồng, đã nhận 14.600.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện người bị hại yêu cầu HĐXX giải quyết về hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật; đối với trách nhiệm dân sự thì yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp cho bà C số tiền 24.400.000 đồng và thống nhất trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày xét xử do chính bị cáo đề xuất.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - An Giang truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại quan điều tra là đã lấy trộm 04 triệu đồng tiền mặt; 01 sợi dây chuyền vàng 18k và 01 chiếc nhẫn vàng 9999 không rõ trọng lượng trên nhẫn có đính hạt đá màu xanh, do không thu giữ được vật chứng vì số vàng đã bị nấu lại nên định giá số vàng bị mất theo lời khai của chủ tiệm vàng là 2,3 chỉ vàng có tỷ lệ phần trăm vàng là 58,48% có giá là 15.068.834 đồng. Tổng tài sản bị cáo trộm cắp có trị giá là 19.068.834 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, do có nhu cầu tiêu xài cá nhân nên N đã lén lút vào nhà của bà Nguyễn Thị Kim C tại khu phố A D, đặc khu P, tỉnh An Giang lấy trộm của bà C 01 chiếc nhẫn vàng có đính đá và 01 sợi dây chuyền bằng vàng và tiền Việt Nam 4.000.000 đồng, tổng cộng trị giá là 19.068.834 đồng nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, điều khoản có mức hình phạt từ cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3]. Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức hành vi trộm cắp tài sản

của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo lấy trộm tài sản của người khác mục đích là để tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là cố ý xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm nên cần xử nghiêm bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm này.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo và gia đình không ai được tặng thưởng huân, huy chương. Tại phiên tòa và quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo; Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 14.600.000 đồng; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khi bị cáo biết việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nên đã ra đầu thú nên cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật sự để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt khi lượng hình cho bị cáo. Đối với bị cáo mới ly hôn chồng vào tháng 5/2025, hiện nay đang nuôi một người con sinh năm 2021; bị cáo có nơi cư trú ổn định, tại phiên tòa bị cáo hứa sau một tháng sẽ khắc phục hậu quả bồi thường số tiền còn lại đối với bà C nên Hội đồng xét xử xem xét không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mà áp dụng Điều 36 BLHS cho bị cáo hưởng mức hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ nghiêm và răn đe bị cáo thành người tốt. Do bị cáo đi làm thuê, thu nhập không ổn định nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo để sung công quỹ nhà nước, giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình để giám sát giáo dục.

[5]. Về xử lý vật chứng: Vật chứng trong vụ án đã trao trả cho chủ sở hữu trong quá trình điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường 39.000.000 đồng được bị cáo N đồng ý, bị cáo N đã bồi thường được 14.600.000 đồng nên buộc bị cáo N bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Kim C số tiền 24.400.000 đồng (Hai mươi tư triệu bốn trăm nghìn đồng), thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày xét xử theo nguyện vọng của bị cáo.

[7]. Đối với bà Phạm Thị Bé E cho bị cáo mượn xe nhưng không biết bị cáo dùng để đi trộm cắp nên không xem xét; Đối với bà Nguyễn Như H Giao là chủ tiệm V, khi mua vàng không biết đây là tài sản trộm cắp nên không xem xét.

[8]. Về quan điểm của Viện kiểm sát: Kiểm sát viên đề nghị về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng pháp luật:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Nguyễn Thị Mỹ N: 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được bản án, quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Đ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 36 BLHS do không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Kim C số tiền 24.400.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Về án phí dân sự có giá ngạch bị cáo phải chịu là 1.220.000 đồng (24.400.000 đồng x 5 %).

4/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo; bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND khu vực 2 – An Giang;
- Phân trại tạm giam Phú Quốc;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ C.an tỉnh AG;
- Phòng THADS khu vực 2 - An Giang;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Kim Thoa